

Số: 635 /QĐ-UBND

Ninh Hòa, ngày 12 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu Dự toán điều chỉnh năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của HĐND thị xã Ninh Hòa về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và Dự toán điều chỉnh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của HĐND thị xã Ninh Hòa về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng năm 2023; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 và danh mục dự án khởi công mới năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Văn bản 1511/TC-KH ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc công bố công khai số liệu Dự toán điều chỉnh năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Dự toán điều chỉnh ngân sách thị xã Ninh Hòa năm 2023 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 2;
- UBND Tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài chính Khánh Hòa;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thị xã;
- Chủ tịch UBND thị xã;
- Các Phó Chủ tịch UBND thị xã;
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án Nhân dân thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT thị xã;
- Lưu VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Vĩnh Thạnh

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số 635 /QĐ-UBND ngày 19 / 8 /2023 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	1.292.642
I	Thu ngân sách thị xã hưởng theo phân cấp	396.616
	- Thu ngân sách huyện hưởng 100%	164.510
	- Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	232.106
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	629.517
	- Bổ sung cân đối	629.517
	- Bổ sung có mục tiêu	
III	Thu kết dư	19.568
IV	Thu chuyển nguồn	246.941
V	Nguồn CCTL để thực hiện chi tăng lương	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.292.642
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.292.642
1	Chi đầu tư phát triển	265.587
2	Chi thường xuyên	834.811
3	Dự phòng	19.023
4	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	
5	Chi từ nguồn chuyển nguồn	162.654
6	Chi từ nguồn kết dư	10.567
II	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
IV	Chi chuyển nguồn năm sau	

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	934.720
1	Thu ngân sách Thị xã hưởng theo phân cấp	344.581
	- Thu ngân sách huyện hưởng 100%	134.750
	- Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	209.831
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	381.845
3	Thu chuyển nguồn	198.541
4	Thu kết dư ngân sách huyện	9.753
5	Nguồn CCTL để thực hiện chi tăng lương	
II	Chi ngân sách cấp huyện	934.720
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	919.926
2	Dự phòng chi	14.794
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách xã	357.922
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	52.035
	- Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%	29.760
	- Các khoản thu phân chia NS cấp xã hưởng theo tỷ lệ %	22.275
2	Thu bổ sung từ ngân sách Thị xã	247.672
3	Thu chuyển nguồn	48.400
4	Thu kết dư ngân sách xã	9.815
II	Chi ngân sách xã	357.922
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách xã theo phân cấp	353.693
2	Dự phòng chi	4.229

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 12 / 8 /2023 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN	
		Tổng thu NSNN	Tổng thu Ns huyện
	TỔNG SỐ THU NSNN	<u>433.500</u>	<u>396.616</u>
I	Thu nội địa	433.500	396.616
1	Thu doanh nghiệp địa phương	2.850	2.570
2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	182.250	164.225
	- Thuế giá trị gia tăng	161.980	145.782
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.000	16.200
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	270	243
	- Thuế tài nguyên	2.000	2.000
	- Thu khác ngoài QD		
3	Lệ phí trước bạ	55.000	55.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	74.790	67.311
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
6	Thu phí và lệ phí	7.000	5.900
7	Thu tiền sử dụng đất	87.500	87.500
8	Thu tiền thuê đất	20	20
9	Thuế nhà đất (Thuế SĐĐ phi NN)	90	90
10	Thu khác ngân sách	15.000	5.000
11	Thu quỹ đất công và hoa lợi công sản	9.000	9.000
12	Thuế bảo vệ môi trường		
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số 635 /QĐ-UBND ngày 12 / 8 /2023 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ngân sách huyện	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.119.421	819.714	299.707
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.119.421	819.714	299.707
I	Chi đầu tư phát triển	265.587	173.767	91.820
1	Chi đầu tư cho các dự án	265.587	173.767	91.820
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	834.811	631.153	203.658
	Trong đó:			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	384.282	383.094	1.188
	Chi khoa học và công nghệ		10	
	Chi từ nguồn chuyển nguồn	162.654	114.254	48.400
	Chi từ nguồn kết dư	10.567	752	9.815
III	Dự phòng ngân sách	19.023	14.794	4.229
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi cho các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 635 /QĐ-UBND ngày 12 / 8 /2023 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.292.642
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	1.292.642
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	265.587
II	Chi thường xuyên	1.008.032
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	384.282
2	Chi khoa học và công nghệ	10
3	Chi y tế, dân số và gia đình	10.916
4	Chi văn hóa thông tin	6.340
5	Chi truyền thanh truyền hình	1.544
6	Chi thể dục thể thao	1.401
7	Chi hoạt động môi trường	11.128
8	Chi các hoạt động kinh tế	92.122
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	176.772
10	Chi đảm bảo xã hội	101.643
11	Chi quốc phòng	32.859
12	Chi an ninh	11.040
13	Chi Chương trình MTQG nông thôn mới	
14	Chi khác	4.754
15	Chi từ nguồn chuyển nguồn	162.654
16	Chi từ nguồn kết dư	10.567
III	Dự phòng chi	19.023
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	
C	Chi từ nguồn để lại đơn vị chi	
D	Chi nộp ngân sách cấp trên	

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 635 /QĐ-UBND ngày 12 / 8 /2023 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó											
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động cấu cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	178.015	32.837	0	0	15.000	0	0	0	120.500	15.228	55.687	9.678	0
1	Văn phòng HĐND và UBND	4.400											4.400	
2	Phòng Quản lý đô thị	1.000								1.000				
3	Phòng Giáo dục - Đào tạo	19.506	19.506											
4	Thị ủy	2.400											2.400	
5	Trung tâm Chính trị	490											490	
6	Phòng Dân tộc	656								656				
7	Ban Quản lý dự án các CTXD	70.016	12.851			15.000				40.777	14.868		1.388	
8	Trung tâm phát triển quỹ đất	3.480								3.480				
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2.900								2.900				
10	UBND xã phường	3.952	480							2.472	360		1.000	
11	Kinh phí chưa phân bổ	69.215								69.215		55.687		

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó											Chi hoạt động câu cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi khác
			Chi giáo dục - đào tạo và đạy nghề	Chi an ninh quốc phòng	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tản	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó				
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		13
31	Trạm Khuyến nông	1.137									1.137		1.137			
32	Bảo hiểm xã hội	10.781				10.781										
33	Ngân hàng chính sách	1.609														1.609
34	Hạt Kiểm lâm	97														97
35	Trung tâm y tế	118														118
36	UBND xã phường	3.000									3.000					
37	quỹ phát triển đất tỉnh	8.750									8.750					
38	Kinh phí chưa phân bổ	28.349	782							2.608	24.279					680

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **635** /QĐ-UBND ngày **12** / 8 /2023 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu kết dư năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra						
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	322.052	52.035	12.500	39.535	211.801	0	48.400	9.815	322.052
1	Ninh Diêm	10.664	4.161	795	3.366	5.179		739	585	10.664
2	Ninh Đa	13.980	7.049	1.182	5.867	6.202		479	250	13.980
3	Ninh Giang	15.003	4.368	492	3.876	6.545		4.060	30	15.003
4	Ninh Hà	8.305	660	315	345	6.760		695	190	8.305
5	Ninh Hải	8.471	1.186	72	1.114	6.351		895	38	8.471
6	Ninh Hiệp	13.735	9.468	630	8.838	1.571		1.858	837	13.735
7	Ninh Thủy	10.184	1.218	77	1.141	6.459		2.127	380	10.184
8	Ninh An	17.845	1.395	290	1.105	15.588		862	0	17.845
9	Ninh Bình	9.031	1.203	265	938	7.335		493	0	9.031
10	Ninh Đông	8.241	935	514	421	6.464		826	16	8.241
11	Ninh Hưng	9.183	933	658	275	6.786		1.417	46	9.183
12	Ninh Ích	9.990	974	317	657	7.520		1.423	73	9.990
13	Ninh Lộc	10.607	1.063	623	440	8.093		1.342	109	10.607
14	Ninh Phú	16.608	850	484	366	8.415		4.975	2.368	16.608
15	Ninh Phụng	10.038	1.561	381	1.180	7.284		799	394	10.038
16	Ninh Phước	9.403	742	101	641	6.861		1.800	0	9.403
17	Ninh Sim	18.573	1.311	186	1.125	15.764		1.422	76	18.573
18	Ninh Sơn	8.213	835	380	455	6.512		866	0	8.213
19	Ninh Quang	10.649	1.992	967	1.025	7.793		810	53	10.649
20	Ninh Tân	11.564	533	109	424	5.506		5.476	49	11.564
21	Ninh Tây	11.791	585	27	558	6.744		4.432	30	11.791
22	Ninh Thân	9.408	980	722	258	7.104		792	532	9.408
23	Ninh Thọ	19.911	1.830	711	1.119	15.661		2.420	0	19.911
24	Ninh Thượng	16.167	1.098	665	433	6.640		4.685	3.745	16.167
25	Ninh Trung	9.591	2.330	1.172	1.158	6.546		715	0	9.591
26	Ninh Vân	7.689	306	46	260	6.234		1.149	0	7.689
27	Ninh Xuân	17.209	2.469	319	2.150	13.884		842	14	17.209

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO
NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 635 /QĐ-UBND ngày 12 / 8 /2023 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
TỔNG SỐ		31.623	22.154	9.469	0
1	Ninh Diêm	739	0	739	
2	Ninh Đa	574	0	574	
3	Ninh Giang	461	0	461	
4	Ninh Hà	966	500	466	
5	Ninh Hải	921	0	921	
6	Ninh Hiệp	2.997	0	2.997	
7	Ninh Thủy	868	0	868	
8	Ninh An	143	0	143	
9	Ninh Bình	1.349	1.283	66	
10	Ninh Đông	602	542	60	
11	Ninh Hưng	2.038	1.970	68	
12	Ninh Ích	78	0	78	
13	Ninh Lộc	2.098	2.021	77	
14	Ninh Phú	596	500	96	
15	Ninh Phụng	2.347	1.920	427	
16	Ninh Phước	67	0	67	
17	Ninh Sim	250	0	250	
18	Ninh Sơn	1.826	1.633	193	
19	Ninh Quang	4.768	4.698	70	
20	Ninh Tân	1.412	1.326	86	
21	Ninh Tây	1.516	1.412	104	
22	Ninh Thân	561	500	61	
23	Ninh Thọ	262	0	262	
24	Ninh Thượng	564	500	64	
25	Ninh Trung	2.965	2.849	116	
26	Ninh Vân	74	0	74	
27	Ninh Xuân	581	500	81	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND thị xã Ninh Hòa)

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (+), (-)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú			
					Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			Vốn ngân sách thị xã		Trong đó:		
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác			Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
	TỔNG SỐ			111.869	175.492	71.832	70.000	33.660	90.095	0	0	90.095	265.587	71.832	70.000	123.755	
A	THỊ XÃ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ			105.803	110.074	50.574	59.500	0	67.941	0	-6.111	74.052	178.015	50.574	53.389	74.052	
I	Giao thông			23.037	14.205	11.370	2.835	0	-19	0	-19	0	14.186	11.370	2.816	0	
1	Đường Minh Mạng, thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 2)	Ban QLDA các CTXD	2021-2023	3.000	7.000	7.000			0				7.000	7.000	0	0	
2	Cầu qua sông Cái Ninh Bình - Ninh Phụng	Ban QLDA các CTXD	2021-2023	0	3.000	3.000			0				3.000	3.000	0	0	
3	Nâng cấp mở rộng đường bê tông nhựa đoạn từ QL1A đến giáp ranh giới xã Ninh Đông	UBND phường Ninh Đa	2021-2022	4.000	1.000	1.000			-640	-640			360	360	0	0	
4	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường KDC phía bắc phường Ninh Hiệp	Ban QLDA các CTXD	2021	7.972	835		835		-19		-19		816	0	816	0	
5	Nâng cấp, mở rộng đường Ninh Hiệp - Ninh Bình, đoạn từ giáp đường Trần Quý Cáp đến giáp đường liên xã Bình - Quang - Hưng	Ban QLDA các CTXD	2021-2023	3.410	2.000		2.000		0				2.000	0	2.000	0	
6	Đường Võ Văn Kỳ	Ban QLDA các CTXD	2020-2023	4.655	370	370			640	640			1.010	1.010	0	0	
II	Giáo dục, đào tạo			56.034	26.951	20.010	6.941	0	3.292	0	3.292	0	30.243	20.010	10.233	0	
1	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Ban QLDA các CTXD	2021	12.244	841		841		0				841	0	841	0	
2	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Lộc	Phòng GD&ĐT	2021	5.650	1.550	1.550			50	50			1.600	1.600	0	0	
3	Xây dựng Trường tiểu học số 2 Ninh Xuân	Phòng GD&ĐT	2021	6.130	760	760			-73	-73			687	687	0	0	
4	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Sơn	Ban QLDA các CTXD	2021	3.000	1.000	1.000			3.500	2.500	1.000		4.500	3.500	1.000	0	
5	Xây dựng 15 phòng học và công trình phụ trợ Trường TH số 3 Ninh Hiệp	Ban QLDA các CTXD	2022	0	1.500		1.500		-1.500		-1.500		0	0	0	0	
6	Xây dựng 08 phòng học và khối văn phòng Trường THCS Tô Hiến Thành	Ban QLDA các CTXD	2022	0	1.500		1.500		-1.500		-1.500		0	0	0	0	
7	Xây dựng 11 phòng học và công trình phụ trợ Trường THCS Nguyễn văn Cừ	Ban QLDA các CTXD	2022	5.800	1.400	1.400			1.000		1.000		2.400	1.400	1.000	0	
8	Xây dựng 6 phòng học và nhà văn phòng Trường tiểu học Ninh Hải	Ban QLDA các CTXD	2023	0	900	900			-900	-900			0	0	0	0	
9	Xây dựng 06 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Phú	Ban QLDA các CTXD	2022	3.000	3.100		3.100		0				3.100	0	3.100	0	
10	Xây dựng Trường tiểu học Ninh An	Phòng GD&ĐT	2022	1.300	2.000	2.000			0				2.000	2.000	0	0	
11	Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão	Phòng GD&ĐT	2022	2.000	2.000	2.000			101	101			2.101	2.101	0	0	
12	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Đông	Phòng GD&ĐT	2022	760	1.000	1.000			200	200			1.200	1.200	0	0	
13	Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải	Phòng GD&ĐT	2022	3.800	1.000	1.000			1.000		1.000		2.000	1.000	1.000	0	
14	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phú	Phòng GD&ĐT	2022	2.800	1.000	1.000			1.000		1.000		2.000	1.000	1.000	0	
15	Xây dựng Trường THCS Trương Định	Phòng GD&ĐT	2022	1.650	350	350			1.650		1.650		2.000	350	1.650	0	
16	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ	Ban QLDA các CTXD	2022-2023	0	1.000	1.000			-1.000	-1.000			0	0	0	0	

STT	Dan h mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh				Ghi chú
					Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác	
18	Xây dựng Trường THCS Ngô Thị Nhậm	Phòng GD&ĐT	2022	1.650	1.450	1.450			550		550		2.000	1.450	550	0	
19	Xây dựng Trường mầm non Ninh Thượng (04 Phòng học, Khối hành chính quản trị, khối phụ trợ)	Phòng GD&ĐT	2022	5.700	3.000	3.000			-278		-278		2.722	2.722	0	0	
20	Xây dựng Trường THCS Hùng Vương, Ninh Hiệp	Ban QLDA các CTXD	2023	0	600	600			-600		-600		0	0	0	0	
IV	Văn hóa			13.000	10.000	10.000	0	0	5.000	0	5.000	0	15.000	10.000	5.000	0	
1	Quảng trường 2/4 thị xã Ninh Hòa	Ban QLDA các CTXD	2021-2024	13.000	10.000	10.000			5.000		5.000		15.000	10.000	5.000	0	
V	Thương mại			2.912	2.088	2.088	0	0	0	0	0	0	2.088	2.088	0	0	
1	Chợ phường Ninh Hà	UBND phường Ninh Hà	2020-2023	2.912	2.088	2.088			0		0		2.088	2.088	0	0	
VI	Quản lý nhà nước			4.000	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	
1	Hội trường Trung tâm hành chính phường Ninh Diêm	UBND phường Ninh Diêm	2021	4.000	1.000		1.000		0		0		1.000	0	1.000	0	
VII	Công cộng, hạ tầng kỹ thuật đô thị			2.820	22.400	0	22.400	0	-3.220	0	-3.220	0	19.180	0	19.180	0	
1	Cơ sở hạ tầng khu dân cư (khu 4) tổ dân phố Phước Đa 1 và tổ dân phố Mỹ Lệ	Trung tâm phát triển quỹ đất	2021-2022	1.320	1.500		1.500		1.080		1.080		2.580	0	2.580	0	
2	Cơ sở hạ tầng khu dân cư (khu 1) thôn Vĩnh Thạnh	Trung tâm phát triển quỹ đất	2021-2022	1.500	900		900		0		0		900	0	900	0	
3	Khu tái định cư đường Trần Quý Cáp	Ban QLDA các CTXD	2022-2023	0	10.000		10.000		-3.000		-3.000		7.000	0	7.000	0	
4	Khu tái định cư đường Minh Mạng	Ban QLDA các CTXD	2022-2023	0	10.000		10.000		-3.000		-3.000		7.000	0	7.000	0	
5	Hồ chôn lấp rác thải sinh hoạt tại bãi rác Hòn Rô	Phòng TNMT	2022-2023	0	0		0		1.700		1.700		1.700	0	1.700	0	
VIII	Vốn duy tu bảo dưỡng công trình			4.000	4.500	4.500	0	0	4.178	0	4.178	0	8.678	4.500	4.178	0	
1	Sửa chữa Nhà làm việc khối Mặt trận và Đoàn thể thị xã	Ban QLDA các CTXD	2022	1.000	1.100	1.100			288		288		1.388	1.100	288	0	
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ UBND thị xã Ninh Hòa	Văn phòng HĐND và UBND	2022	1.500	1.000	1.000			3.400		3.400		4.400	1.000	3.400	0	
3	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Thị ủy Ninh Hòa	Văn phòng Thị ủy	2022	1.500	2.400	2.400			0		0		2.400	2.400	0	0	
4	Sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm Chính trị thị xã Ninh Hòa	Trung tâm Chính trị	2023	0	0				490		490		490	0	490	0	
IX	Vốn quyết toán, Quy hoạch và chuẩn bị đầu tư				2.606	2.606	0	0	3.530	0	0	3.530	6.136	2.606	0	3.530	
1	Xây dựng BTXM sân trường và công trình phụ trợ trường Tiểu học Ninh Sơn	UBND xã Ninh Sơn	2022	500	0				480		480		480	480	0	0	
2	Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân	Phòng GD&ĐT	2021	1.000	0				104		104		104	104	0	0	
3	Xây dựng Cầu Sấu, thị xã Ninh Hoà	Ban QLDA các CTXD	2021-2022						25		25		25	25	0	0	
4	Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Ninh Hòa đến năm 2040	Phòng QLĐT	2023						1.000		1.000		1.000	1.000		0	
5	Vốn quyết toán và chuẩn bị đầu tư chưa phân bổ				2.606	2.606			1.921		-1.609		3.530	4.527	997	0	3.530
X	Đối ứng xây dựng nông thôn mới và đối ứng khác và vốn chưa phân bổ				26.324		26.324		29.363		-15.342	44.705	55.687	0	10.982	44.705	
XI	Ngân sách tỉnh hỗ trợ Chương trình phát triển KTXH vùng DDBDTS và miền núi			0	0	0	0	0	595	0	0	595	595	0	0	595	
1	Đường BTXM đi từ nhà ông Cao Đạt đi Suối Chinh thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc	2023		0				595		595		595	595	0	0	595

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (+), (-)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú			
					Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:		Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:		Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:					
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD		Nguồn vốn khác	Nguồn XDCB tập trung		Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
XII	Chuyên Nguồn				0	0	0	0	25.222	0	0	25.222	25.222	0	0	25.222	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Ninh Hiệp - Ninh Bình, đoạn từ giáp đường Trần Quý Cáp đến giáp đường liên xã Bình - Quang - Hưng	Ban QLDA các CTXD	2021-2023		0				906			906	906	0	0	906	
2	Quảng trường 2/4 thị xã Ninh Hòa	Ban QLDA các CTXD	2021-2024		0				11.909			11.909	11.909	0	0	11.909	
3	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ trường Mầm non Ninh Sơn	Ban QLDA các CTXD	2021		0				2.010			2.010	2.010	0	0	2.010	
4	Chợ phường Ninh Hà	UBND phường Ninh Hà	2020-2023		0				24			24	24	0	0	24	
5	Đường Võ Văn Ký	Ban QLDA các CTXD	2020-2023		0				111			111	111	0	0	111	
6	Hồ chôn lấp rác thải sinh hoạt tại bãi rác Hòn Rọ	Phòng TNMT	2022-2023		0				1.200			1.200	1.200	0	0	1.200	
7	Đường BTXM từ nhà ông Hải đi suối Tre, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc	2022-2023		0				34			34	34	0	0	34	
8	Đường BTXM đoạn từ nhà Cao ta Gân đến cuối đường nhà ông Bằng Đức Tảng thôn sông Bung, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc	2022-2023		0				13			13	13	0	0	13	
9	Xây dựng công tường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt cộng đồng tại thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc	2022-2023		0				14			14	14	0	0	14	
10	Chưa phân bổ (chờ xin ý kiến HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện)								9.001			9.001	9.001			9.001	
B	CẤP XÃ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ			6.066	65.418	21.258	10.500	33.660	22.154	0	6.111	16.043	87.572	21.258	16.611	49.703	
1	Nguồn vốn XDCB tập trung				21.258	21.258	0	0	0	0	0	0	21.258	21.258	0	0	
	xã Ninh An	UBND xã Ninh An			1.315	1.315			0			0	1.315	1.315	0	0	
	xã Ninh Bình	UBND xã Ninh Bình			1.106	1.106			0			0	1.106	1.106	0	0	
	xã Ninh Đông	UBND xã Ninh Đông			1.097	1.097			0			0	1.097	1.097	0	0	
	xã Ninh Hưng	UBND xã Ninh Hưng			1.097	1.097			0			0	1.097	1.097	0	0	
	xã Ninh Ích	UBND xã Ninh Ích			922	922			0			0	922	922	0	0	
	xã Ninh Lộc	UBND xã Ninh Lộc			922	922			0			0	922	922	0	0	
	xã Ninh Phú	UBND xã Ninh Phú			1.097	1.097			0			0	1.097	1.097	0	0	
	xã Ninh Phụng	UBND xã Ninh Phụng			1.315	1.315			0			0	1.315	1.315	0	0	
	xã Ninh Phước	UBND xã Ninh Phước			1.097	1.097			0			0	1.097	1.097	0	0	
	xã Ninh Quang	UBND xã Ninh Quang			1.315	1.315			0			0	1.315	1.315	0	0	
	xã Ninh Sim	UBND xã Ninh Sim			1.106	1.106			0			0	1.106	1.106	0	0	
	xã Ninh Sơn	UBND xã Ninh Sơn			1.097	1.097			0			0	1.097	1.097	0	0	

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (+), (-)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú		
					Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:		Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:		Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD		Nguồn vốn khác	Nguồn XDCB tập trung		Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD
	xã Ninh Tân	UBND xã Ninh Tân			876	876			0			876	876	0	0	
	xã Ninh Tây	UBND xã Ninh Tây			876	876			0			876	876	0	0	
	xã Ninh Thân	UBND xã Ninh Thân			922	922			0			922	922	0	0	
	xã Ninh Thọ	UBND xã Ninh Thọ			1.097	1.097			0			1.097	1.097	0	0	
	xã Ninh Thượng	UBND xã Ninh Thượng			1.097	1.097			0			1.097	1.097	0	0	
	xã Ninh Trung	UBND xã Ninh Trung			922	922			0			922	922	0	0	
	xã Ninh Vân	UBND xã Ninh Vân			876	876			0			876	876	0	0	
	xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân			1.106	1.106			0			1.106	1.106	0	0	
2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất				10.500	0	10.500	0	0	0	0	10.500	0	10.500	0	
	Ninh Diêm	UBND phường Ninh Diêm			1.932		1.932		0			1.932	0	1.932	0	
	Ninh Đa	UBND phường Ninh Đa			4.848		4.848		0			4.848	0	4.848	0	
	Ninh Giang	UBND phường Ninh Giang			2.880		2.880		0			2.880	0	2.880	0	
	Ninh Trung	UBND xã Ninh Trung			840		840		0			840	0	840	0	
												0	0	0	0	
3	Nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng các xã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V			6.066	33.660	0	0	33.660	0	0	0	33.660	0	0	33.660	
	Xã Ninh Thọ			3.415	8.415	0	0	8.415	0	0	0	8.415	0	0	8.415	
	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm xã Ninh Thọ, đoạn từ QL1A đến TL7	UBND xã Ninh Thọ	2022	3.415	0				131		131	131	0	0	131	
	Hệ thống điện chiếu sáng Chánh Thanh 1, đoạn từ Hội trường thôn đến TL1A	UBND xã Ninh Thọ	2023		0				1.095		1.095	1.095	0	0	1.095	
	Hệ thống điện chiếu sáng đường Lạc Ninh 4, đoạn từ TL7 đến đường BTXM Lạc Ninh	UBND xã Ninh Thọ	2023		0				568		568	568	0	0	568	
	Hệ thống điện chiếu sáng thôn Bình Sơn, đoạn từ Lò Vôi đến khu tái định cư Ninh Thủy	UBND xã Ninh Thọ	2023		0				979		979	979	0	0	979	
	Nâng cấp mở rộng đường trục chính Lạc Bình, đoạn từ TL7 đến công nhà Khánh Thừa	UBND xã Ninh Thọ	2023		0				5.642		5.642	5.642	0	0	5.642	
	Chưa phân bổ				8.415		8.415	-8.415			-8.415	0	0	0	0	
	Xã Ninh Sim			0	8.415	0	0	8.415	0	0	0	8.415	0	0	8.415	
	Hệ thống đèn chiếu sáng thôn Đổng Đa, từ Quốc lộ 26 đến Ngã ba nhà ông Trung	UBND xã Ninh Sim	2023		0				589		589	589	0	0	589	
	Hệ thống đèn chiếu sáng thôn Tân Khánh 1.	UBND xã Ninh Sim	2023		0				990		990	990	0	0	990	
	Hệ thống đèn chiếu sáng thôn Tân Khánh 2.	UBND xã Ninh Sim	2023		0				996		996	996	0	0	996	

STT	Dan h mục dự án ngành, lnh vực	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh				Ghi chú
					Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác	
	Hệ thống đèn chiếu sáng thôn Tân Lập.	UBND xã Ninh Sim	2023		0				1.610			1.610	1.610	0	0	1.610	
	Hệ thống đèn chiếu sáng thôn Lam Sơn.	UBND xã Ninh Sim	2023		0				996			996	996	0	0	996	
	Hệ thống nước sạch thôn Nông Trường.	UBND xã Ninh Sim	2023		0				1.000			1.000	1.000	0	0	1.000	
	Nhà thi đấu cầu lông	UBND xã Ninh Sim	2023		0				2.234			2.234	2.234	0	0	2.234	
	Chưa phân bổ				8.415			8.415	-8.415			-8.415	0	0	0	0	
	Xã Ninh Xuân			2.651	8.415	0	0	8.415	0	0	0	0	8.415	0	0	8.415	
	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn từ QL26 Hội trường thôn Phước Lâm đến nhà bà Hiệp	UBND xã Ninh Xuân	2022	918	0				172			172	172	0	0	172	
	Nâng cấp đường BTXM, đoạn từ QL26 đến nhà ông Bùi Trèo thôn Phước Lâm	UBND xã Ninh Xuân	2022	900	0				231			231	231	0	0	231	
	Xây dựng mới tường rào TTVHTT xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	2022	833	0				302			302	302	0	0	302	
	Hệ thống điện chiếu sáng QL.26 đến cầu Ông Hồ	UBND xã Ninh Xuân	2023		0				492			492	492	0	0	492	
	Đường BTXM đoạn từ nhà ông 8 Góc (Chợ Phước Lâm) đến trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND xã Ninh Xuân	2023		0				1.510			1.510	1.510	0	0	1.510	
	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn từ trường Ninh Xuân 1 đến ngã 3 Xóm Rẫy, thôn Phước Lâm	UBND xã Ninh Xuân	2023		0				1.086			1.086	1.086	0	0	1.086	
	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Tấn đến sau Chợ Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	2023		0				1.057			1.057	1.057	0	0	1.057	
	Sửa chữa nâng cấp Hội trường UBND xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	2023		0				3.565			3.565	3.565	0	0	3.565	
	Chưa phân bổ				8.415			8.415	-8.415			-8.415	0	0	0	0	
	Xã Ninh An			0	8.415	0	0	8.415	0	0	0	0	8.415	0	0	8.415	
	Đường từ nhà ông Hoàng đến nhà bà Tiền	UBND xã Ninh An	2023		0				1.116			1.116	1.116	0	0	1.116	
	Đường từ nhà bà Sen đi TLIA	UBND xã Ninh An	2023		0				1.017			1.017	1.017	0	0	1.017	
	Đường từ nhà ông Phương đến nhà ông Tình	UBND xã Ninh An	2023		0				1.017			1.017	1.017	0	0	1.017	
	Đường từ nhà ông Khá đến Nghĩa địa Gia Mỹ	UBND xã Ninh An	2023		0				1.155			1.155	1.155	0	0	1.155	
	Đường từ nhà bà Cúc đến nhà ông Tuấn	UBND xã Ninh An	2023		0				1.167			1.167	1.167	0	0	1.167	
	Đường từ nương Rờ zẹt đến nhà ông Bảo	UBND xã Ninh An	2023		0				1.017			1.017	1.017	0	0	1.017	
	Đường từ nhà ông Tới đến nhà bà Gái	UBND xã Ninh An	2023		0				1.100			1.100	1.100	0	0	1.100	
	Đường từ chùa Phú Gia đến nhà ông Quy	UBND xã Ninh An	2023		0				826			826	826	0	0	826	
	Chưa phân bổ				8.415			8.415	-8.415			-8.415	0	0	0	0	
4	Nguồn tính bổ sung có mục tiêu			0	0	0	0	0	455	0	0	455	455	0	0	455	

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (+), (-)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú		
					Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:		Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:		Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD		Nguồn vốn khác	Nguồn XDCB tập trung		Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD
	Cấp điện khu lưu niệm chiến thắng Vườn Gòn - Đá Bàn	UBND xã Ninh Sơn	2023		0			455			455	455	0	0	455	
5	Nguồn địa bàn phụ trách thị xã			0	0	0	0	3.500	0	0	3.500	3.500	0	0	3.500	
	Sản phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao TDP Mỹ Thuận	UBND phường Ninh Hà	2023		0			500			500	500	0	0	500	
	Đường BTXM thôn Hội Diên, đoạn từ nhà ông Phạm Tường đến nhà ông Trần Văn Hòa; đoạn giáp từ đường BTXM đến nhà ông Huỳnh Văn Khánh	UBND xã Ninh Phú	2023		0			500			500	500	0	0	500	
	Công trình sửa chữa Sân bê tông, nhà vệ sinh, nhà để xe, cầu nối UBND xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	2023		0			500			500	500	0	0	500	
	Hệ thống nhà vệ sinh 06 thôn xã Ninh Bình	UBND xã Ninh Bình	2023		0			500			500	500	0	0	500	
	BTXM các tuyến đường giao thông nội bộ nghĩa trang tuyến 1600	UBND xã Ninh Tân	2023		0			500			500	500	0	0	500	
	Đường trục xóm chấp iê, đoạn ông Sang- ông Trăm	UBND xã Ninh Thân	2023		0			500			500	500	0	0	500	
	Công trình xây dựng khuôn viên nhà văn hóa thôn Tân Lâm, xã Ninh Thượng	UBND xã Ninh Thượng	2023		0			500			500	500	0	0	500	
6	Ngân sách tỉnh hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng NTM			0	0	0	0	12.088	0	0	12.088	12.088	0	0	12.088	
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc và nhà vệ sinh Sân vận động)	UBND xã Ninh Bình	2023		0			300			300	300	0	0	300	
	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Hồ bơi)	UBND xã Ninh Đông	2023		0			207			207	207	0	0	207	
	Nâng cấp đường thôn Gò Sắn đoạn Tỉnh lộ 5 cũ	UBND xã Ninh Hưng	2023		0			837			837	837	0	0	837	
	Kiên cố hóa kênh mương ông Thang thôn Phong Thạnh	UBND xã Ninh Lộc	2023		0			867			867	867	0	0	867	
	Kiên cố hóa kênh mương Tràu	UBND xã Ninh Lộc	2023		0			844			844	844	0	0	844	
	Đường liên thôn Vĩnh Phước - Phú Bình	UBND xã Ninh Phụng	2023		0			1.187			1.187	1.187	0	0	1.187	
	Kênh mương BTXM từ N12A đến nhà ông Lộc thôn Tân Quang	UBND xã Ninh Quang	2023		0			859			859	859	0	0	859	
	Kênh mương BTXM từ đập ông Phích đến nhà ông Đạt thôn Tân Quang	UBND xã Ninh Quang	2023		0			695			695	695	0	0	695	
	Kênh mương BTXM từ đường nội đồng Đới 3 Phú Hòa đến nhà bà Cút thôn Phú Hòa	UBND xã Ninh Quang	2023		0			840			840	840	0	0	840	
	Kênh mương BTXM từ gần 4 thôn đến Đình thôn Vạn Hữu	UBND xã Ninh Quang	2023		0			770			770	770	0	0	770	
	Kênh mương BTXM từ Miếu Phụ Đàng đến đường nội đồng Đới 3 thôn Phú Hòa	UBND xã Ninh Quang	2023		0			770			770	770	0	0	770	
	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 5, đoạn từ TL7 đến nhà ông Thắng	UBND xã Ninh Sơn	2023		0			835			835	835	0	0	835	
	Kênh mương nghĩa xanh phía Nam	UBND xã Ninh Tân	2023		0			700			700	700	0	0	700	

STT	Dan h mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh				Ghi chú
					Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác	
	Kênh Khâu 3 gà đến đồng chiết giang	UBND xã Ninh Trung	2023		0				840			840	840	0	0	840	
	Kênh bà Mười đến Đồng Đưng (gd1)	UBND xã Ninh Trung	2023		0				700			700	700	0	0	700	
	Kênh đất dây thép - miếu Tân Ninh	UBND xã Ninh Trung	2023		0				837			837	837	0	0	837	
7	Ngân sách thị xã đối ứng Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới			0	0	0	0	0	6.111	0	6.111	0	6.111	0	6.111	0	
	Nâng cấp đường thôn Gò Sấn đoạn Tỉnh lộ 5 cũ	UBND xã Ninh Hưng	2023		0				325			325	325	0	325	0	
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc và nhà vệ sinh Sân vận động)	UBND xã Ninh Bình	2023		0				483			483	483	0	483	0	
	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Hồ bơi)	UBND xã Ninh Đông	2023		0				335			335	335	0	335	0	
	Kiên cố hóa kênh mương ông Thang thôn Phong Thạnh	UBND xã Ninh Lộc	2023		0				157			157	157	0	157	0	
	Kiên cố hóa kênh mương Tràu	UBND xã Ninh Lộc	2023		0				153			153	153	0	153	0	
	Đường liên thôn Vĩnh Phước - Phú Bình	UBND xã Ninh Phụng	2023		0				491			491	491	0	491	0	
	Kênh mương BTXM từ NI2A đến nhà ông Lộc thôn Tân Quang	UBND xã Ninh Quang	2023		0				156			156	156	0	156	0	
	Kênh mương BTXM từ đập ông Phích đến nhà ông Đạt thôn Tân Quang	UBND xã Ninh Quang	2023		0				126			126	126	0	126	0	
	Kênh mương BTXM từ đường nội đồng Đội 3 Phú Hòa đến nhà bà Cút thôn Phú Hòa	UBND xã Ninh Quang	2023		0				152			152	152	0	152	0	
	Kênh mương BTXM từ gán 4 thôn đến Đình thôn Vạn Hữu	UBND xã Ninh Quang	2023		0				165			165	165	0	165	0	
	Kênh mương BTXM từ Miếu Phú Đăng đến đường nội đồng Đội 3 thôn Phú Hòa	UBND xã Ninh Quang	2023		0				165			165	165	0	165	0	
	Kênh mương nghĩa xanh phía Nari	UBND xã Ninh Tân	2023		0				126			126	126	0	126	0	
	Kênh Khâu 3 gà đến đồng chiết giang	UBND xã Ninh Trung	2023		0				162			162	162	0	162	0	
	Kênh bà Mười đến Đồng Đưng (gd1)	UBND xã Ninh Trung	2023		0				145			145	145	0	145	0	
	Kênh đất dây thép - miếu Tân Ninh	UBND xã Ninh Trung	2023		0				165			165	165	0	165	0	
	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến nhà ông Thắng	UBND xã Ninh Sơn	2023		0				343			343	343	0	343	0	
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục Lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	UBND xã Ninh Phụng	2023		0				242			242	242	0	242	0	
	Đường thôn Phụng Cang từ nhà bà Nghệ đến nhà bà Hương	UBND xã Ninh Hưng	2023		0				178			178	178	0	178	0	
	Nâng cấp đường liên thôn Phú Đa - Phụng Cang	UBND xã Ninh Hưng	2023		0				318			318	318	0	318	0	
	Đường nội đồng khu sản xuất Trảng Cám đoạn từ trại ông Chơn đến trại ông Phở	UBND xã Ninh Hưng	2023		0				312			312	312	0	312	0	

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (+), (-)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú	
					Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:		Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:		Vốn ngân sách thị xã	Trong đó:			
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD		Nguồn vốn khác	Nguồn XDCB tập trung		Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung
	Đường nội đồng C2 từ nhà ông Y Thuyền đến đường vận hành thủy điện Buôn Sim	UBND xã Ninh Tây	2023		0			145		145	145	0	145	0	
	Đường GTNT đoạn từ nhà bà Lý Thi Thu Cúc đến nhà ông Y Dú	UBND xã Ninh Tây	2023		0			871		871	871	0	871	0	
	Đường GTNT đoạn từ QL26 nhà ông Đặng Văn Quyền đến Suối Chình	UBND xã Ninh Tây	2023		0			251		251	251	0	251	0	
	Kênh mương vào đồng ruộng thôn Buôn Tương	UBND xã Ninh Tây	2023		0			145		145	145	0	145	0	

TKH